TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/KDTM-ST
Ngày: 12/3/2025
V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hiếu Nhường.

Bà Dương Thị Lệ .

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Vũ Tố Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số: 06/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXX-ST ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X;
Trụ sở: Tầng 8, Văn phòng số L8 – 01 – 11 + 16, Tòa nhà V;
Địa chỉ: Số G - L - L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Đỗ Hà P – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Đại diện theo ủy quyền: Trịnh Thanh S – Chức vụ: Giám đốc – chi nhánh T6;
Ủy quyền lại: Phạm Đình P1 – Chuyên viên phòng xử nợ;
Địa chỉ: C - C - N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.
Đoàn Trọng Â – Chức vụ: Cán bộ tín dụng;
Lê Thị Thanh Đ – Chức vụ: Phó Phòng khách hàng doanh nghiệp;
Địa chỉ: A - H, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4;
Đại diện theo pháp luật: Ngô Thanh Như T – Chức vụ: Giám đốc;
Địa chỉ: D - Tổ A, Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn:
Luật sư Trần Hoàng V – thuộc Đoàn luật sư tỉnh tiền G;
Địa chỉ: Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Nguyễn Thị N, sinh năm 1949;
Nguyễn Quang H, sinh năm 1945;
Cùng địa chỉ: Số H - T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngô Thanh Như T, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Tùng T1, sinh năm 2003;
Địa chỉ: Số I, B, Phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Tùng T1:
Phan Thị Khánh N1, sinh năm 1975;
Địa chỉ: 5 L, Phường A, quận P, thành phố Hồ Chí Minh;
Địa chỉ hiện nay: Số I, B, Phường B, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thiên Â1, sinh năm 2008;
Địa chỉ: Số H - T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo pháp luật của Â1:
Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Số F Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đoàn Thị Thu H1, sinh năm 1975;
Nguyễn Đoàn Gia H2, sinh năm 2005;
Nguyễn Minh T3, sinh năm 2014;
Đại diện theo pháp luật của T3: Đoàn Thị Thu H1, sinh năm 1975;
Cùng địa chỉ: Số H - T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1979;
Đoàn Quốc T4, sinh ngày 12/9/2006;
Đoàn Quốc T5, sinh năm 2016;
Đại diện theo pháp luật của T4, T5: Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1979;
Cùng địa chỉ: Số H - T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa sơ thẩm, có mặt Phạm Đình P1, Ngô Thanh Như T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Xuân T2, Nguyễn Thị Thu H3, Đoàn Thị Thu H1, luật sư Trần Hoàng V;

Nguyễn Quang H, Phan Thị Khánh N1, Nguyễn Đoàn Gia H2 có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X có đại diện theo ủy quyền là Lê Thị Thanh Đ trình bày:*

Vào ngày 06/6/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh T6 (E) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047938 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 26/4/2023 cho vay hạn mức, thời hạn cho vay là 06 tháng với số tiền 3.640.000.000 đồng để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;

Ngân hàng E đã giải ngân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành

viên N4 theo 05 khế ước nhận nợ như sau:

Ngày 14/3/2023, giải ngân 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 15/3/2023, giải ngân 910.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 29/3/2023, giải ngân 1.160.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 17/5/2023, giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 19/5/2023, giải ngân 770.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Tổng số tiền giải ngân là 3.640.000.000 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150/EIB-TG/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 03/06/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 03/06/2022 là quyền sử dụng 250m^2 đất, thửa đất số 468, tờ bản đồ số 05, tại ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ524572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DĐ545840, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS19527 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/5/2022 cho ông Nguyễn Thành N2, bà Ngô Thanh Như T;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74B/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 là quyền sử dụng 81,51m^2 đất, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 30, tại 8 T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ524572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H04256 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/8/2006. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số phát hành 828152827000717, hồ sơ gốc 3053 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 12/10/2006 cho ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị N;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74A/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 là quyền sử dụng 134,7m^2 đất, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 09, tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DĐ922173, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS18995 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/3/2022 cho ông Nguyễn Thành N2, bà Ngô Thanh Như T.

Ngày 09/6/2022, Ngân hàng E và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số LAV220049584/1501 để phát hành hai thẻ tín dụng doanh nhân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 (đứng tên ông Nguyễn Thành N2 và bà Ngô Thanh Như T) cụ thể:

Số thẻ VB487517, Số tài khoản thẻ: 150110505000092: Dư nợ gốc: 65.949.181 đồng; Lịch thanh toán số tiền tối thiểu 5%: Hàng tháng vào ngày 20 tây; Lãi suất cho vay: 30.6%/năm;

Số thẻ VB487509, Số tài khoản thẻ: 150110505000093: Dư nợ gốc: 149.920.533 đồng; Lịch thanh toán số tiền tối thiểu 5%: Hàng tháng vào ngày 20 tây; Lãi suất cho vay: 30.6%/năm;

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân đã ký kết, khoản nợ vay của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 quá hạn. Phía bà Ngô Thanh Như T – Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N5 T không có thiện chí hợp tác với E để giải quyết nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 14/09/2023, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 còn nợ E tổng số tiền là 3.972.344.562 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 3.855.869.714 đồng, bao gồm: Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047954: 3.640.000.000 đồng, trong đó:

Nợ gốc theo hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số LAV220049584/1501: 215.869.714 đồng;

Nợ lãi: 116,474,848 đồng, bao gồm: Nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047954: 100.979.562 đồng;

Nợ lãi theo hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số LAV220049584/1501: 15.495.286 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thanh toán một lần vốn gốc và lãi vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tạm tính đến ngày 06/12/2023 là 4.096.307.657 đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính theo mức lãi suất thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi trả xong nợ.

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ;

Nếu phát mãi tài sản không đủ để thu hồi nợ cho ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh T6 thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ còn lại, lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

**. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 có đại diện theo pháp luật Ngô Thanh N3 Thảo trình bày:* Bà T đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thừa nhận số nợ đến ngày 06/12/2023 là 4.096.307.657 đồng. Đồng ý trả số tiền trên cho Ngân hàng, nếu không trả được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Quang H trình bày: Bà N đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thống nhất với lời trình bày của chị T. Yêu cầu giải quyết sớm để xử lý tài sản thế chấp trả lại nhà cho vợ chồng bà, phần còn lại nếu có dư ra thì chia cho các hàng thừa kế.

Nguyễn Thị Xuân Trang Nguyễn Thị Thu H3 trình bày: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Nguyễn Tùng T1, Phan Thị Khánh N1 trình bày: Yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật, Công ty N4 phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng lấy phần tài sản của ông H, bà N để trả lại cho ông H, bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần X thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047938 ngày 06/6/2022, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 26/4/2023, các khế ước nhận nợ, hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân LAV220049584/1501 và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150/EIB-MT/TC/2022 ngày 30/6/2022, số 74A, số 74B/EIB-MT/TC-2022 ngày 17/3/2022 ký kết giữa E và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 trả cho E số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 05/3/2025 là 5.322.703.197 đồng bao gồm:

Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng;

Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng;

Lãi, phí được tiếp tục tính từ ngày 06/3/2025 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 thanh toán xong nợ theo mức lãi xuất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký;

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N5 T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Bị đơn đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 bà Ngô Thanh Như T thừa nhận số nợ trên. Hiện tại, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N5 Thảo không còn khả năng trả nợ nên đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ cho ngân hàng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn nêu ra nhiều luận cứ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 hiện tại không còn khả năng trả nợ, đề nghị ngân hàng xem xét lãi để được miễn giảm một phần và đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Xuân T2, Nguyễn Thị Thu H3 đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" được quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án, hòa giải và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, ngoài những đương sự có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định.

Nguyên đơn, thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn;

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 trả cho E số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 05/3/2025 là 5.322.703.197 đồng bao gồm:

Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng;

Lãi, phí được tiếp tục tính từ ngày 06/3/2025 cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 thanh toán xong nợ theo mức lãi xuất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký;

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N5 T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đại diện ủy quyền của nguyên đơn cung cấp và đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 thừa nhận:

Vào ngày 06/6/2002, Ngân hàng Thương mại cổ phần X – Chi nhánh T6 (E) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã ký kết hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047938 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 26/4/2023 cho vay hạn mức thời hạn cho vay là 06 tháng với số tiền 3.640.000.000 đồng để bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;

Ngân hàng E đã giải ngân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 theo 05 khế ước nhận nợ như sau:

Ngày 14/3/2023, giải ngân 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 15/3/2023, giải ngân 910.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 29/3/2023, giải ngân 1.160.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 17/5/2023, giải ngân 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Ngày 19/5/2023, giải ngân 770.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng;

Tổng số tiền giải ngân là 3.640.000.000 đồng.

Ngày 09/6/2022, Ngân hàng E và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã ký hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân số LAV220049584/1501 để phát hành hai thẻ tín dụng doanh nhân cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 (đứng tên ông Nguyễn Thành N2 và bà Ngô Thanh Như T) cụ thể:

Số thẻ VB487517, Số tài khoản thẻ: 150110505000092: Dư nợ gốc: 65.949.181 đồng; (Lịch thanh toán số tiền tối thiểu 5%: Hàng tháng vào ngày 20 tây; Lãi suất cho vay: 30.6%/năm); Lãi tính đến ngày 05/3/2025 là 155.853.802 đồng;

Số thẻ VB487509, Số tài khoản thẻ: 150110505000093: Dư nợ gốc: 149.920.533 đồng; (Lịch thanh toán số tiền tối thiểu 5%: Hàng tháng vào ngày 20 tây; Lãi suất cho vay: 30.6%/năm); Lãi tính đến ngày 05/3/2025 là 389.643.344 đồng;

Tính đến ngày 05/3/2025 thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 nợ Ngân hàng E số tiền 5.322.703.197 đồng bao gồm: Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 chưa trả số tiền trên;

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh N3 T đồng ý trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn, Công ty không còn hoạt động xin trả dần nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý;

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần X là có cơ sở, bởi vì Công ty Trách nhiệm hữu hạn

một thành viên N4 vẫn còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền vay và lãi tạm tính đến hết ngày 05/3/202 với số tiền 5.322.703.197 đồng bao gồm: Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng.

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X cho nên cần buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh Như T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền nợ tính đến hết ngày 05/3/2025 là 5.322.703.197 đồng bao gồm: Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng.

Nếu Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh N3 T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047938 ngày 06/6/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 26/4/2023 và Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân LAV220049584/1501 ngày 09/6/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

[2.2]. Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần X về việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh Như T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì phải chịu các biện pháp phát mãi tài sản thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần X, nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào lời trình bày của Ngân hàng Thương mại cổ phần X và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho thấy:

Để đảm bảo các khoản vay trên Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đã thế chấp các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150/EIB-TG/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 03/06/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 03/06/2022 là quyền sử dụng 250m^2 đất, thửa đất số 468, tờ bản đồ số 05, tại ấp E, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ524572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DĐ545840, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS19527 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/5/2022 cho ông Nguyễn Thành N2, bà Ngô Thanh Như T để đảm bảo số tiền vay 1.642.000.000 đồng;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74B/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 là quyền sử dụng 81,51m^2 đất, thửa đất số 53, tờ bản đồ số 30, tại 8 T, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AĐ524572, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H04256 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 28/8/2006. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số phát hành 828152827000717, hồ sơ gốc 3053 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp ngày 12/10/2006 cho ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị N để đảm bảo số tiền vay 1.517.000.000 đồng;

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74A/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 là quyền sử dụng 134,7m^2 đất, thửa đất số 218, tờ bản đồ số 09, tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành DĐ922173, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS18995 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/3/2022 cho ông Nguyễn Thành N2, bà Ngô Thanh Như T để đảm bảo số tiền vay 1.447.000.000 đồng.

Hiện tại, khoản nợ vay đã quá hạn nhưng Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh N3 Thảo không trả nợ nên việc Ngân hàng Thương mại cổ phần X yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh Như T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định;

Ngân hàng Thương mại cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần X án phí theo quy định.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 92, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng các điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 327, 303, 463 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền tính đến hết ngày 05/3/2025 là 5.322.703.197 đồng (năm tỉ, ba trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm lẻ ba ngàn, một trăm chín mươi bảy đồng) bao gồm: Nợ gốc khoản vay: 3.640.000.000 đồng, lãi trong hạn 217.244.835 đồng, lãi quá hạn 678.334.069 đồng, tiền chậm trả lãi 25.757.373 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 761.366.920 đồng.

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh N3 T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1501-LAV-220047938 ngày 06/6/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 26/4/2023 và Hợp đồng hạn mức tín dụng phát hành và thanh toán thẻ tín dụng doanh nhân LAV220049584/1501 ngày 09/6/2022 trên số dư nợ gốc cho đến khi trả xong nợ.

Trong trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 đại diện theo pháp luật bà Ngô Thanh N3 T không trả tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X thì toàn bộ tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 150/EIB-TG/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 03/06/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 03/06/2022; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74B/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 74A/EIB-MT/TC/2022 công chứng tại Phòng C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/03/2022, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 18/03/2022 được xử lý kê biên, bán đấu giá tại giai đoạn thi hành án để đảm bảo thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền phát mãi tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N4 phải chịu 113.322.703 đồng (một trăm mười ba triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm lẻ ba đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần X không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm nên trả lại án phí cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp 55.723.000 đồng (năm mươi lăm triệu, bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005271 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/3/2025, có mặt anh P1, chị T, bà N, chị T2, chị H3.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

. Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu